

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH BẢO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 21-01-2020
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Đức Vịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Khanh

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2019 về “Ly hôn và tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lương Thị Th; nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đề nghị xét xử vắng mặt;

- *Bị đơn:* Anh Phạm Ngọc B; nơi cư trú: Thôn 4, xã GB, huyện VB, thành phố Hải Phòng, có đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại bản tự khai và tại phiên hòa giải, nguyên đơn là chị Lương Thị Th trình bày:

Chị và anh Phạm Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy B nhân dân xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo từ ngày 12 tháng 11 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm

2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý; mặt khác, do anh B ham chơi cờ bạc, nợ nần nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải và bản thân chị đã cố gắng khắc phục những mâu thuẫn nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau, cắt đứt mọi quan hệ nghĩa vụ vợ chồng. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

Về con chung: Chị và anh B có 02 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, hiện anh B đang trực tiếp nuôi dưỡng và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016, hiện chị đang trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y còn anh B tiếp tục nuôi dưỡng cháu M. Việc cấp dưỡng nuôi con chị và anh B tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị và anh B xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai của đương sự, bị đơn là anh Phạm Ngọc B, trình bày:

Anh xác nhận về thời điểm kết hôn, điều kiện kết hôn như nội dung chị Th trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung hòa thuận hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát, cãi vã, xúc phạm và không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên giải và bản thân anh cũng đã động viên chị Th nhưng không có kết quả, vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi và không quan tâm đến nhau. Tuy nhiên, do vẫn còn tình cảm với chị Th và do các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ nên anh không đồng ý ly hôn với chị Th.

Về con chung: Anh và chị Th có 02 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, hiện do anh trực tiếp nuôi dưỡng và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016, hiện do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M còn giao cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y. Việc cấp dưỡng nuôi con do anh và chị Th tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Th xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo xác định quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, về thẩm quyền

đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử xét những nội dung sau:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Th được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

+ Về con chung: Đề nghị giao con chung là Phạm Ngọc Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do hai bên tự thỏa thuận nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh B không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

+ Về án phí: Chị Th phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng dân sự:

[1] Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung giữa nguyên đơn là chị Lương Thị Th và bị đơn là anh Phạm Ngọc B đều có nơi cư trú tại thôn 4, xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đều có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, có bản tự khai và tham gia đầy đủ các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Như vậy, nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Bị đơn là anh Phạm Ngọc B đã nhận được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc thông báo thụ lý vụ án, thông báo về việc giao nộp chứng cứ, thông báo về phiên họp, kiểm tra, việc giao nộp, tiếp cận công khai

chứng cứ và hòa giải, đã nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử và anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh theo quy định của pháp luật; mặt khác chị Th cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn là chị Lương Thị Th và bị đơn là anh Phạm Ngọc B.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị Th và anh Phạm Ngọc B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy B nhân dân xã Giang Biên, huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng ngày 12 tháng 11 năm 2007. Như vậy, hôn nhân này là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm, lối sống, không hợp nhau về tính cách, tâm sinh lý nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, xúc phạm, không tôn trọng nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình khuyên giải nhưng không có kết quả, vợ chồng đã sống ly thân, không qua tâm đến nhau. Nay, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th xin ly hôn nhưng anh B không đồng ý vì anh cho rằng anh vẫn còn tình cảm với chị Th và do các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của cả bố và mẹ, nhưng anh không đưa ra được biện pháp gì để khắc phục những mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh không đến, điều đó chứng tỏ anh không thực sự muốn níu kéo tình cảm vợ chồng, việc anh không lên tòa án và không đồng ý ly hôn chỉ nhằm gây khó khăn cho chị Th và kéo dài sự ràng buộc không cần thiết. Hơn nữa, qua xác minh tại địa phương thì vợ chồng chị Th, anh B thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nên có đủ căn cứ xác định, mâu thuẫn vợ chồng chị Th và anh B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Lương Thị Th xin ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

[5] Về con chung: Chị Th và anh B có 02 con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011 hiện do anh B trực tiếp nuôi dưỡng và Phạm Ngọc Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016 hiện do chị Th trực tiếp nuôi dưỡng. Xét thấy, cả chị Th và anh B đều có việc làm, có thu nhập như nhau. Mặt khác, chị Th có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y còn anh B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu M, cháu M cũng có nguyện vọng được ở cùng với bố và để đảm bảo sự ổn định, cũng như sự phát triển mọi mặt của các con chung của chị Th và anh B nên việc giao con chung là Phạm Ngọc Y cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung là Phạm Ngọc M cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, phù hợp với thực tế về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Th và anh B.. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc Y của chị Th và đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Phạm Ngọc M của anh B. Việc cấp dưỡng

nuôi con chung do chị Th và anh B xin tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Th và anh B xin tự thỏa thuận nên không xét giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Th phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy B Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị Th được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

2. Về con chung: Giao con chung là Phạm Ngọc Y, sinh ngày 31 tháng 3 năm 2016, cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; giao con chung là Phạm Ngọc M, sinh ngày 14 tháng 6 năm 2011, cho anh B trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Th phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị Th đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số **0007837 ngày 04 tháng 9 năm 2019** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng. Chị Th đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Th và anh B vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Bảo;
- **UBND xã Giang Biên;**
- Các đương sự;
- Lưu: Hành chính tư pháp, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Đức Vịnh